

THÔNG BÁO

Về việc gia hạn Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

Thực hiện Mục 14 Nghị quyết số 129/NQ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 129/NQ-CP), Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo như sau:

1. Gia hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (viết tắt là Giấy xác nhận) đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho doanh nghiệp trực tiếp sản xuất thuộc các trường hợp quy định tại khoản 39 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, đồng thời không phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nếu không thay đổi địa điểm, tăng quy mô công suất theo quy định tại Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Danh sách các doanh nghiệp có Giấy xác nhận được gia hạn tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này.

Các doanh nghiệp có Giấy xác nhận thuộc các trường hợp quy định tại khoản 39 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và Mục 14 Nghị quyết số 129/NQ-CP đã gửi hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy xác nhận và đã được cơ quan nhà nước kiểm tra (trước thời điểm ban hành Nghị quyết số 129/NQ-CP), phải hoàn thiện các nội dung theo thông báo kết quả kiểm tra để được cấp lại, gia hạn Giấy xác nhận theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, thực hiện gia hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với Giấy xác nhận đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho doanh nghiệp trực tiếp sản xuất (trừ trường hợp đã gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lại Giấy xác nhận, đã kiểm tra thực tế, đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ hoặc đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lại Giấy xác nhận) thuộc các trường hợp quy định tại khoản 39 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (Giấy xác nhận hết hạn sau ngày 01/7/2019, thời điểm Nghị định số 40/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) và Mục 14 Nghị quyết số 129/NQ-CP. Việc gia hạn Giấy xác nhận phải bảo đảm đầy đủ thông tin được hướng dẫn tại Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này. Văn bản gia hạn Giấy xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được gửi tới Cổng thông tin một cửa quốc gia, Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính), Bộ Tài nguyên và Môi trường và doanh nghiệp được gia hạn Giấy xác nhận; đồng thời đảm bảo công

khai, minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng cho doanh nghiệp biết, thực hiện và không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính theo đúng tinh thần Nghị quyết số 129/NQ-CP.

3. Các doanh nghiệp có Giấy xác nhận được gia hạn phải chịu trách nhiệm và đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu; bảo đảm số lượng, tình trạng hoạt động bình thường của máy móc, thiết bị sản xuất, tái chế phế liệu và các công trình bảo vệ môi trường; chất thải sau xử lý phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân; chỉ được nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở sản xuất theo đúng nhu cầu và phải phù hợp với công suất, máy móc thiết bị sản xuất, tái chế; nhập khẩu đúng chủng loại, khối lượng phế liệu được phép trong thời gian gia hạn.

Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo để các tổ chức, cá nhân và cơ quan liên quan biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW (để phối hợp chỉ đạo);
- Công thông tin điện tử Chính phủ (để công khai);
- Công thông tin điện tử Bộ TN&MT (để công khai);
- Công thông tin điện tử TCMT (để công khai);
- Công thông tin một cửa quốc gia (để công khai);
- Tổng cục Hải quan (để phối hợp);
- Sở TNMT các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Các tổ chức có liên quan;
- Lưu: VT, TCMT.HHa.90.

**KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

TT	Doanh nghiệp được gia hạn Giấy xác nhận	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy xác nhận số, thời điểm cấp	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hạn	Ngày bắt đầu được gia hạn	Chung loại phế liệu (theo mã HS) được phép nhập khẩu	Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu trong thời gian gia hạn (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TM-DV Giang Đát Thành	Thượng Sơn, Xã Tây Thuận, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	ngày 07/11/2019				3915.10.90 3915.90.00	2.851 698
6.	Công ty cổ phần thép Pomina 2	KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	78/GXN-BTNMT ngày 06/9/2020	6/9/2020	14/6/2021	15/6/2021	TỔNG CỘNG 7204.49.00	17.665 283.833 283.833
7.	Công ty TNHH MTV thép Miền Nam	KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	11/GXN-BTNMT ngày 22/01/2020	22/01/2020	22/01/2021	23/01/2021	7204.49.00 TỔNG CỘNG	453.000 453.000
8.	Công ty Cổ phần giấy Sài Gòn	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	118/GXN-BTNMT ngày 21/8/2019	21/8/2019	21/8/2020	01/11/2020	4707.10.00 4707.20.00 4707.30.00 4707.90.00	126.558 29.026 9.735 29.026
9.	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	162/GXN-BTNMT ngày 25/12/2019	25/12/2019	25/12/2020	26/12/2020	TỔNG CỘNG 4707.10.00 4707.20.00 4707.30.00	194.345 233.342 1.000
10.	Công ty TNHH MTV Sản xuất Minh Đăng	Nhà máy tái chế phế liệu của Công ty TNHH MTV Sản xuất Minh Đăng tại thửa đất số 372, tờ bản đồ số 12, ấp Phước Thành, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	49/GXN-BTNMT ngày 01/06/2020	01/6/2020	01/6/2021	02/6/2021	TỔNG CỘNG 3915.10.10	17.500 17.500
11.	Công ty Cổ phần Giang Nam Cát	Lô C1 đường D4, Khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	128/GXN-BTNMT ngày 27/9/2019	27/9/2019	27/9/2020	01/11/2020	3915.10.10 3915.10.90 3915.90.00	2.531 35.429 12.653
12.	Công ty TNHH kiến trúc và thương mại	Nhà máy giấy và bao bì carton Tân Long - Lô số 4,	121/GXN-BTNMT ngày 26/10/2018	26/10/2018	26/10/2021	27/10/2021	TỔNG CỘNG 4707.10.00	50.613 3.333 3.333
							TỔNG CỘNG	3.333

TT	Doanh nghiệp được gia hạn Giấy xác nhận	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy xác nhận số, thời điểm cấp	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hạn	Ngày bắt đầu được gia hạn	Chung loại phê duyệt (theo mã HS) được phép nhập khẩu	Khối lượng phê duyệt được phép nhập khẩu trong thời gian gia hạn (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Á Châu	đường số 10, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng						
13.	Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Hải	Km 39, quốc lộ 5, xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	123/GXN-BTNMT ngày 26/10/2018	26/10/2018	25/10/2021	26/10/2021	3915.9000 3915.1090 3915.1010 3915.2090 3915.2010 3915.3090 3915.3010	667
14.	Công ty cổ phần Hyundai Aluminum Vina	Đường B2, khu B, khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	83/GXN-BTNMT ngày 7/10/2020	7/10/2020	28/5/2021	29/5/2021	TỔNG CỘNG 7602.00.00	13.318
15.	Công ty TNHH Lavergne Việt Nam	Lô số 5, đường số 3, Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam	53/GXN-BTNMT ngày 11/6/2020	11/6/2020	01/06/2021	02/6/2021	3915.20.90 3915.90.00	836 423
16.	Công ty Cổ phần giấy Sài Gòn Miền Trung	Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	139/GXN-BTNMT ngày 28/11/2018	28/11/2018	28/11/2021	29/11/2021	4707.10.00 4707.30.00 4707.90.00	1.334 167 167
17.	Nhà máy nghiên xi măng Hiệp Phước - Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Nhà máy nghiên xi măng Hiệp Phước, Lô A1, KCN Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành Phố HCM	39/GXN-BTNMT ngày 20/4/2018	20/4/2018	20/4/2020	01/11/2020	2618.00.00	145.834
18.	Công ty cổ phần phát triển sợi gòn Việt Nam	Xưởng sản xuất xi măng Sài Gòn, số 65 đường 12, ấp Long Sơn, phường	75/GXN-BTNMT ngày 13/6/2018	13/9/2018	13/9/2020	01/11/2020	2618.00.00	175.000
							TỔNG CỘNG	175.000

TT	Doanh nghiệp được giả hạn Giấy xác nhận	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy xác nhận số, thời điểm cấp	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hạn	Ngày bắt đầu được giả hạn	Chung loại phê liệu (theo mã HS) được phép nhập khẩu	Khối lượng phê liệu được nhập khẩu trong thời gian giả hạn (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
19.	Công ty TNHH MTV Biên Trại	E3/20, ấp 5, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	60/GXN-BTNMT ngày 14/5/2018	14/5/2018	14/5/2020	01/11/2020	3915.10.10 3915.10.90 3915.30.10 3915.30.90 3915.90.00	2.713
20.	Công ty Sản xuất Giấy và Bao bì Phước Đông - (TNHH)	Cụm công nghiệp Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Trị An, tỉnh Bắc Ninh	150/GXN-BTNMT ngày 29/11/2019	29/11/2019	29/11/2020	30/11/2020	4707.10.00 4707.20.00 4707.30.00 4707.90.00	48.750 5.417 5.417 5.416
21.	Công ty TNHH sản xuất A&C&T Vina	CCN Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	83/GXN-BTNMT ngày 09/7/2018	09/7/2018	09/7/2020	01/11/2020	7602.00.00	5.133
22.	Công ty Cổ phần Khoáng nghiệp Trường An	Xưởng sản xuất hạt nhựa của Công ty cổ phần Khoáng nghiệp Trường An tại thôn Ngõ Yên, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	98/GXN-BTNMT ngày 11/7/2019	11/7/2019	11/7/2020	01/11/2020	3915.10.10 3915.10.90 3915.20.10 3915.20.90 3915.90.00	525 525 81 81 70
23.	Đại nghiệp Công ty TNHH Trường mai và Dịch vụ Xuất nhập Khẩu Liên Minh - tại Hải Phòng	Lô CN 2 và CN 9, KCN Nằm Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	10/GXN-BTNMT ngày 18/01/2018	18/01/2018	18/01/2020	01/11/2020	3915.10.10 3915.10.90 3915.20.10 3915.20.90 3915.30.10 3915.30.90 3915.90.00	50.400
24.	Công ty cổ phần Alusac Vina	Lô CN6, KCN Điểm Thủy, xã Điểm Thủy.	61/GXN-BTNMT ngày 15/7/2020	15/7/2020	15/7/2021	16/7/2021	TỔNG CỘNG 7602.00.00	50.400 10.164
							TỔNG CỘNG	10.164

TT	Đơn vị nghiệp vụ được gia hạn Giấy xác nhận	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy xác nhận số, thời điểm cấp	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hạn	Ngày bắt đầu được gia hạn	Chung loại phê liệu (theo mã HS) được phép nhập khẩu	Khối lượng phê liệu được phép nhập khẩu trong thời gian gia hạn (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Long An	Dức Hòa 1, Xã Dức Hòa Đông, huyện Dức Hòa, tỉnh Long An					TỔNG CỘNG	4.718
38.	Công ty TNHH MTV SX TM DV XNK Nhựa Việt Nam	Đường số 2, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Dức Hòa, tỉnh Long An	74/GXN-BTNMT ngày 12/6/2018	12/6/2018	12/06/2020	01/11/2020	3915.10.10 3915.10.90 3915.20.10 3915.20.90 3915.30.10 3915.30.90 3915.90.00	81.000
							TỔNG CỘNG	81.000
39.	Công ty TNHH Hòa công nghiệp Triền Bình	KCN Hải Yên, phường Hải Yên, tp. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	122/GXN-BTNMT ngày 26/10/2018	26/10/2018	26/10/2021	27/10/2021	3915.90.00	2.222
							TỔNG CỘNG	2.222
40.	Công ty TNHH MTV Vina Paper	CCN Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	41/GXN-BTNMT ngày 12/5/2020	12/5/2020	11/05/2021	12/5/2021	4707.90.00	10.000
							TỔNG CỘNG	10.000
41.	Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Quang Huy	Khu Dương O, phường Phương Khê, thành phố Bắc Ninh	52/GXN-BTNMT ngày 10/5/2018	10/5/2018	10/5/2020	01/11/2020	4707.10.00 4707.20.00 4707.30.00 4707.90.00	7.000
							TỔNG CỘNG	7.000
42.	Công ty Giấy và Bao bì Phú Cường (TNHH)	Thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	149/GXN-BTNMT ngày 27/11/2019	27/11/2019	27/11/2020	28/11/2020	4707.10.00 4707.90.00	41.450 10.360
							TỔNG CỘNG	51.810
43.	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngợi Long	Cụm công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	59/GXN-BTNMT ngày 08/7/2020	08/7/2020	08/7/2021	09/7/2021	3915.10.10 3915.10.90 3915.90.00	4.600 2.300 4.600
							TỔNG CỘNG	11.500
44.	Công ty TNHH Quốc tế Bright Việt Nam	Lô CN 01, 02, 03, 04, 05 Khu công nghiệp Thuận Thành II, xã An Bình.	56/GXN-BTNMT ngày 01/7/2020	01/7/2020	02/2/2021	03/2/2021	7204.29.00 7204.49.00	4.400 92
							TỔNG CỘNG	4.492

TT	Doanh nghiệp được gia hạn Giấy xác nhận	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy xác nhận số, thời điểm cấp	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hạn	Ngày bắt đầu được gia hạn	Chung loại phê duyệt (theo mã HS) được phép nhập khẩu	Khối lượng phê duyệt được phép nhập khẩu trong thời gian gia hạn (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
65.	Công ty TNHH Sung Bu Vina	Khu phố 7, phường Uyên Hưng, TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	36/GXN-BTNMT ngày 03/4/2018	03/4/2018	03/4/2020	01/11/2020	3915.10.10 3915.10.90 3915.20.10 3915.20.90 3915.90.00	37.341 7.000
66.	Công ty TNHH giấy Kraft Vina	Lô D-6A-CN, KCN Mỹ Phước 3, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	39/GXN-BTNMT ngày 08/5/2020	15/5/2020	15/5/2021	16/5/2021	4707.10.00 4707.20.00 4707.90.00	260.150 21.175 21.175
67.	Chi nhánh Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Liên Minh - tại Bình Dương	KCN Tân Bình, xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	68/GXN-BTNMT ngày 31/7/2020	31/7/2020	31/3/2021	01/4/2021	3915.10.10 3915.10.90 3915.90.00	373 24.338 20.218
68.	Công ty TNHH xưởng giấy Chánh Dương	Lô B2 - CN đường D15, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	06/GXN-BTNMT ngày 15/01/2020	18/01/2020	18/01/2021	19/01/2021	4707.10.00 4707.20.00 4707.90.00	477.788 5.369 53.684
69.	Công ty TNHH TPR Việt Nam	Số 26, đường số 2, KCN VSIP II, ấp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	81/GXN-BTNMT ngày 22/9/2020	22/9/2020	02/6/2021	03/6/2021	7204.29.00	6.949
70.	Công ty TNHH Giấy Vinh Cơ	Khu phố 3, phường Tân Định, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	23/GXN-BTNMT ngày 21/02/2020	21/02/2020	21/02/2021	22/02/2021	4707.90.00	1.438
71.	Công ty TNHH Minh Hiếu Sài Gòn	Lô A16, đường N1, Khu Công nghiệp KSB (khu B), xã Đất Cước, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	130/GXN-BTNMT ngày 04/10/2019	04/10/2019	05/10/2020	01/11/2020	3915.10.90 3915.90.00	22.982 9.850
							TỔNG CỘNG	32.832